

CHÍNH PHỦ
Số: 07/2006/NĐ-CP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 10 tháng 1 năm 2006

NGHỊ ĐỊNH

Về chế độ tài chính của Ngân hàng nhà nước Việt Nam

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 12 tháng 12 năm 1997 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính

NGHỊ ĐỊNH

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Nghị định này quy định chế độ tài chính đối với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng Nhà nước).

Nghị định này không áp dụng cho các đơn vị sự nghiệp hưởng kinh phí ngân sách nhà nước, các doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập trực thuộc Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Thu, chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước về nguyên tắc thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 3. Ngân hàng Nhà nước được sử dụng các nguồn thu để trang trải chi phí hoạt động của mình. Chênh lệch thu, chi sau khi trích lập quỹ theo quy định của Luật

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và quy định cụ thể của Nghị định này, số còn lại được nộp vào ngân sách nhà nước.

Điều 4. Ngân hàng Nhà nước không phải nộp các loại thuế đối với hoạt động nghiệp vụ và dịch vụ Ngân hàng.

Điều 5. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm trước Chính phủ về việc lập kế hoạch thu, chi tài chính và tổ chức thực hiện chế độ tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 6. Bộ Tài chính thực hiện chức năng quản lý nhà nước về tài chính, có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra hoạt động thu, chi tài chính của Ngân hàng Nhà nước.

Chương II

VỐN VÀ QUỸ

Điều 7. Ngân hàng Nhà nước quản lý và sử dụng các loại vốn sau đây:

1. Vốn pháp định.
2. Tiền phát hành vào lưu thông để thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.
3. Tiền gửi của các Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước.
4. Vốn đi vay.
5. Vốn khác.

Điều 8. Ngân hàng Nhà nước lập và sử dụng quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia; khoản dự phòng rủi ro trong hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 9. Mức vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước là 5.000 (năm ngàn) tỷ đồng. Việc thay đổi mức vốn pháp định này do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Vốn pháp định của Ngân hàng Nhà nước được hình thành từ các nguồn sau:

1. Các nguồn vốn hiện có: nguồn vốn ngân sách nhà nước đã cấp và vốn đầu tư xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định.
2. Nguồn vốn được bổ sung:
 - a) Vốn ngân sách nhà nước cấp (nếu có).
 - b) Khoản trích từ chi phí bằng 12% trên giá trị tài sản cố định bình quân hàng năm theo quy định tại khoản 7 Điều 14 Nghị định này.

c) Chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

d) Nguồn vốn khác (nếu có).

Điều 10. Ngân hàng Nhà nước thực hiện trích 10% từ chênh lệch thu, chi hàng năm theo quy định tại Điều 17 Nghị định này để bổ sung quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý và sử dụng quỹ thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia.

Điều 11. Ngân hàng Nhà nước được lập khoản dự phòng rủi ro và hạch toán vào chi phí bằng 10% tổng thu trừ đi các khoản chi chưa bao gồm khoản chi dự phòng rủi ro (không bao gồm các khoản thu, chi từ kinh phí ngân sách nhà nước cấp). Khoản dự phòng rủi ro này để sử dụng bù đắp: các khoản tổn thất hoặc coi như tổn thất về hoạt động tín dụng; dịch vụ thanh toán và ngân quỹ do nguyên nhân khách quan; phần chênh lệch tổn thất sau khi tập thể hoặc cá nhân bồi thường theo đúng quy định của pháp luật. Trường hợp nguồn dự phòng không đủ bù đắp các khoản tổn thất, Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính trình Thủ tướng Chính phủ biện pháp xử lý phần còn thiếu.

Ngân hàng Nhà nước chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính ban hành quy chế quản lý và sử dụng khoản dự phòng rủi ro.

Điều 12. Ngân hàng Nhà nước thực hiện trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính.

Ngân hàng Nhà nước đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định từ các nguồn vốn: ngân sách nhà nước cấp; khấu hao tài sản cố định được để lại theo quy định; trích từ chi phí bằng 12% trên giá trị tài sản cố định bình quân hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Việc quản lý, sử dụng vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định, chuyển nhượng, thanh lý, kiểm kê và đánh giá lại tài sản của Ngân hàng Nhà nước thực hiện theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng Nhà nước có nhiệm vụ quản lý chặt chẽ, sử dụng hợp lý, đúng mục đích và an toàn các loại vốn, quỹ và tài sản; không được góp vốn, mua cổ phần của các